

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-02- 2022

V/v chị Nguyễn Thị T ly hôn
anh Hà Văn T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Bộ

Ông Nguyễn Đại Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 263/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986. (Có mặt)

Nơi cư trú: Đội 6, thôn T, xã P, huyện M, TP. Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Đội 6, thôn T, xã P, huyện M, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và các tài liệu tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2006 chị có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với anh Hà Văn T tại UBND xã Phùng Xá. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc

được hai năm đầu, thời gian sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do chị đã bắt gặp anh T có quan hệ tình cảm trai gái ngoài luồng, anh T đã xin lỗi, nhưng một thời gian sau anh vẫn vậy và không thay đổi, những lúc uống rượu say anh thường chửi bới xúc phạm chị, về gia đình anh không có trách nhiệm với vợ và các con, chị cũng đã khuyên bảo, gia đình cũng đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Xét thấy vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung: Hà Văn L, sin ngày 03/2/2008 và Hà Thị N, sinh ngày 28/9/2009. Hiện tại hai con chung đang ở với mẹ. Vợ chồng ly hôn chị xin được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản, công sức và nợ chung: Chị trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Hà Văn T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập, liên lạc lên làm việc nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do.

Xác minh thông qua mẹ đẻ của anh T là bà Vũ Thị L cho biết: Anh T và Chị T có tự nguyện kết hôn và sinh được 02 con chung, anh T là người mãi chơi, đi làm không đưa tiền về cho vợ con nên vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn, năm 2021 Chị T đã bỏ nhà về bên bố mẹ đẻ để ở, còn anh T vẫn ở chung với gia đình bà từ đó đến nay. Về tài sản chung vợ chồng thì bà không được biết, nay bà vẫn mong muốn vợ chồng T - T đoàn tụ. Đối với các văn bản của Tòa án giao cho anh T bà đã nhận và giao ngay cho anh T để anh được biết làm việc với Tòa án kịp thời.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã làm đúng quy trình tố tụng, không có vi phạm gì, đã xác định đúng tư cách của đương sự, giải quyết đúng thời hạn của vụ án.

Về thời hạn chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn: Chấp hành đúng quy định tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là không chấp hành quy định pháp luật

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hà Văn T; về con chung chấp nhận các yêu cầu của Chị T và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung 18 tuổi hoặc cho đến khi các đương sự có yêu cầu mới về người nuôi con và trợ cấp nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và các phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị đơn đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hà Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội ngày 26/9/2006 nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp.

Qua trình chung sống vợ chồng đã có mâu thuẫn dẫn đến các bên đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, Tòa án đã triệu tập cả đôi bên lên làm việc, hòa giải nhưng anh T không đến nên hòa giải đoàn tụ không đạt được. Tại phiên tòa Chị T thừa nhận tình cảm của chị với anh T đã hết. Xét thấy đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hà Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh, chị có hai con chung: Hà Văn L, sinh ngày 03/2/2008 và Hà Thị N, sinh ngày 28/9/2009. Chị T xin nuôi hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, vì hiện tại hai con chung đang ở với mẹ do mẹ chăm sóc nuôi dưỡng, tại phiên tòa chị trình bày chị đi làm dặt tại xã P, có thu nhập ổn định 6-7 triệu/tháng, đủ điều kiện để nuôi các con, về phía bị đơn, quá trình giải quyết anh T đã được Tòa án thông báo nhiều lần nhưng vắng mặt, và không có ý kiến gì về

việc ly hôn và con chung. Căn cứ Điều 81 luật hôn nhân gia đình, nên cần thiết tiếp tục giao hai con chung cháu L, cháu N cho Chị T tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận việc Chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung 18 tuổi hoặc cho đến khi các đương sự có yêu cầu mới về người nuôi con và trợ cấp nuôi con chung. Anh Hà Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Do chưa có quan điểm của anh T về phần tài sản chung, công nợ chung vợ chồng nên cần thiết tách phần tài sản chung, công nợ chung vợ chồng để giải quyết sau ly hôn khi anh T có yêu cầu và đủ điều kiện khởi kiện về chia tài sản chung, công nợ chung vợ chồng (nếu có).

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 và Điều 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự Căn cứ vào điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hà Văn T.

2. Về con chung: Anh, chị có hai con chung: Hà Văn Lộc, sinh ngày 03/2/2008 và Hà Thị Ngân, sinh ngày 28/9/2009. Tiếp tục giao cháu L, cháu N cho Chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho Chị T cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có yêu cầu mới về người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hà Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản, nợ chung: Tách phần tài sản chung, công nợ chung vợ chồng để giải quyết sau ly hôn khi anh T có yêu cầu và đủ điều kiện khởi kiện về chia tài sản chung, công nợ chung vợ chồng (nếu có).

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu số 0038749 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hồng